ĐỊA GIỚI VÀ TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH HÀ NỘI THỜI PHÁP THUỘC NGUỒN TƯ LIỆU, PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN NGHIÊN CỨU

ĐÀO THỊ DIỄN*

1. Hà Nội là một trong những Thủ đô có lịch sử lâu đời nhất trên thế giới. Sự phát triển của Hà Nội luôn gắn liền với những chiến thắng oanh liệt trong tiến trình lịch sử dân tộc. Trong quá trình đổi mới và hội nhập của Việt Nam, Hà Nội đang phát triển mạnh mẽ và đã trở thành nơi hội tụ, kết tinh và tỏa sáng các giá trị văn hóa của các vùng miền trong cả nước. Vì vậy, việc nghiên cứu về Hà Nội đã thực sự thu hút các nhà khoa học Việt Nam và nước ngoài. Trong bối cảnh đó, thuật ngữ "Hà Nội học" đã được nhiều chuyên gia sử dụng như một lĩnh vực khoa học nghiên cứu không gian văn hóa khu vực.

Tuy nhiên, theo nhận định của đại đa số các nhà khoa học, nhiều vấn đề cơ bản của bộ môn khoa học này như cơ sở lý luận, thực trạng nghiên cứu và định hướng phát triển vẫn cần được thảo luận, làm rõ. Với mục đích giới thiệu kết quả nghiên cứu sơ bộ về một trong những vấn đề của Hà Nội học, bài viết mong được góp thêm *Nguồn tư liệu về Địa giới và Tổ chức hành chính Hà Nội* thời Pháp thuộc, đồng thời đưa ra một vài ý kiến bước đầu về xác định *Phương pháp tiếp cận và những vấn đề cần nghiên cứu* thuộc lĩnh vực này.

2. Lịch sử luôn diễn ra trong một không gian và thời gian nhất định. Việc xác định khung không gian của các sự kiện giữ một vị trí quan trọng trong nghiên cứu lịch sử. Ngoài khung không gian địa lý, địa - chính trị, địa - văn hóa... còn có không gian hành chính mà trong đó mỗi khung không gian có liên quan đến nhiều mặt khác nhau và việc nghiên cứu mỗi khung không gian này lại tương ứng với những phương pháp tiếp cận và những vấn đề cần nghiên cứu riêng.

Trong khoa học lịch sử, có một điểm chung duy nhất, có thể được coi như điểm xuất phát của tất cả các phương pháp tiếp cận và những vấn đề nghiên cứu của mọi không gian, đó là việc *xác định nguồn tư liệu tra cứu*. Đối với không gian hành chính, do gắn liền với các đơn vị hành chính, các địa danh lịch sử mà các đơn vị hành chính lại do chính quyền quy định theo yêu cầu quản lý nhà nước nên chúng luôn biến động với việc thay đổi đơn vị hành chính, xóa bỏ hay thành lập những những đơn vị mới, lúc tách lúc nhập rất

* TS. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I

phức tạp. Vì thế, chỉ trong một thời gian ngắn vài ba thập kỷ mà không có tư liệu tra cứu thì rất khó xác định đúng đắn những thay đổi của các đơn vị hành chính để định vị đúng đơn vị hiện tại trong tiến trình lịch sử của nó. Điều đó chứng tỏ rằng, *tư liệu tra cứu* đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong nghiên cứu lịch sử nói chung và nghiên cứu về *Địa giới và tổ chức hành chính* nói riêng. Đúng như lời Seignobos - Giáo sư Sử học của Trường Sorbonne (Paris) đã viết từ thế kỷ XIX: "Sans documents, il n'y a pas d'histoire à écrire" (Không có tài liệu, không có gì để viết) (1).

3. Về địa danh và các đơn vị hành chính trong cả nước và ở Bắc Kỳ trước thời Pháp thuộc, chúng ta đã có một số tư liệu để tra cứu nhưng không nhiều, chủ yếu là sách và một số công trình chuyên khảo. Thí dụ: cuốn *"Nomenclature des communes du Tonkin"* của Ngô Vi Liễn (sắp theo tổng, phủ, huyện hay châu và theo tỉnh với bảng chỉ tiết gồm tên chữ Hán và các thông tin địa lý), Hà Nội, in tại nhà in Lê Văn Tân, 1928 (bản dịch *"Danh mục làng xã ở Bắc Kỳ"* trong *"Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ"*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1999); *"Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX"* (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra, dịch từ *"Các trấn tổng xã danh bị lãm"* viết đời Gia Long, công trình chuyên khảo về Địa lý trong *Sử học bị khảo* của Dặng Xuân Bảng), Viện Nghiên cứu Hán Nôm, bản dịch Nxb. Văn hoá-Thông tin, Hà Nội, 1997; *"Đất nước Việt Nam qua các đời"* của GS. Đào Duy Anh (Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1964, Nxb. Thuận Hoá tái bản năm 1994); *"Địa danh và tài liệu lưu trữ về làng xã Bắc Kỳ"* của Vũ Thị Minh Hương, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin, Hà Nội, 1999; *"Từ điển địa danh lịch sử văn hoá Việt Nam"* của Nguyễn Văn Tân, Nxb. Văn hoá-Thông tin, Hà Nội, 1998. Gần đây nhất có cuốn *"Việt Nam - Những thay đổi địa danh và địa giới hành chính 1945-2002"* của Nguyễn Quang Ân, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, Nxb. Thông tấn, Hà Nội, 2003.

Riêng về Hà Nội từ khi triều Nguyễn thành lập cho đến năm 1873, ngoài những tư liệu được ghi chép về duyên cách trong các bộ địa chí, trong *"Đại Nam thực lục"*, *"Đại Nam hội điển sự lệ"*, chúng ta còn có thêm tài liệu lưu trữ trong Châu bản, Địa bạ, trong các phông Nha Kinh lược Bắc Kỳ, Nha huyện Thọ Xương...

Đối với thời kỳ Pháp thuộc, có khá nhiều tác giả phương Tây như George Azazambre, Madrolle, Hocquard, Claude Bourrin... viết về Hà Nội nhưng chủ yếu là mô tả lại phố phường, con người, hoặc đưa ra những nhận xét chủ quan về các lĩnh vực lịch sử, địa lý, phong tục, tín ngưỡng, giao thông... của Hà Nội thời kỳ đầu Pháp đánh ra Đàng Ngoài. Tuy vậy, những sách này cũng giúp chúng ta có cái nhìn tương đối tổng quát về diện mạo phố phường Hà Nội xưa.

Có 2 công trình của 2 tác giả người Pháp viết về Hà Nội mà chúng tôi đặc biệt chú ý tới, đó là các cuốn *"Hanoï pendant la période héroïque* (1873-1888)" của André Masson (Paris, P. Geuthner, 1929 pages) và *"Histoire de Hanoï"* của Philippe Papin (Paris, Fayard, 2001) bởi tính xác thực của những tư liệu được sử dụng trong tác phẩm. Cuốn thứ nhất được xuất bản 55 năm sau ngày Pháp lập Tòa Công sứ và xây dựng trại lính theo Hiệp ước ký ngày 15-3-1874, năm mở đầu cho sự hiện diện của chủ nghĩa thực dân Pháp trên đất Hà Nội. Sách được khai thác và sử dụng tài liệu từ phông Đô đốc và các Thống đốc (fonds des Amiraux et des Gouverneurs)

lúc đó đang được bảo quản tại Kho Lưu trữ Trung ương Hà Nội (Dépôt central de Hanoï) (2). Hơn thế nữa, tác giả của cuốn sách còn là người gìn giữ những tài liệu này (3) và người viết lời tựa cho sách chính là Paul Boudet, Giám đốc Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương.

Cuốn thứ hai được thai nghén ngay từ khi tác giả đang còn làm Luận án Tiến sĩ Sử học về Hà Nội thời kỳ 1805-1940 và được hoàn thành với một khối lượng tương đối lớn tài liệu lưu trữ, bản đồ, sơ đồ, bản vẽ... khai thác từ nhiều phông khác nhau của Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, Hà Nội (4).

Trong số các tác phẩm của người Việt Nam viết về Hà Nội thời kỳ chuyển từ một đô thị truyền thống của phương Đông sang một mô hình đô thị phương Tây, chúng ta có một số công trình như cuốn *"Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX"* của Nguyễn Văn Uẩn (Hà Nội, Nxb. Hà Nội, 2010), *"Hà Nội xưa và nay"* của Vũ Tuấn Sán (sách do Trung tâm nghiên cứu Quốc Học và Nxb. Hội Nhà Văn xuất bản năm 2007), *"Từ điển đường phố Hà Nội"* của Giang Quân (Nxb. Hà Nội, 2009)... Tuy nhiên, cũng như nhận xét của PGS. TS Phan Phương-Thảo trong đề tài nghiên cứu về diện mạo phố cổ Hà Nội qua tài liệu địa chính, số tác phẩm và công trình viết về Hà Nội thời kỳ Pháp thuộc có khai thác và sử dụng tài liệu lưu trữ chưa nhiều. Hơn nữa, việc tiếp cận và sử dụng tài liệu lưu trữ của một số nhà nghiên cứu người Việt còn thiếu phương pháp, dẫn tới việc các tác phẩm thiếu tính khoa học và trở nên khó sử dụng.

Nhân dịp kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, trong khuôn khổ của Tủ sách "Thăng Long ngàn năm văn hiến", Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I đã biên soạn bộ sách *"Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873-1954"* gồm 1746 trang, 2 tập (tập 1: 843 trang; tập 2: 903 trang) với 4 phần lớn, xuyên qua 8 chủ đề (*Địa giới - Tổ chức bộ máy hành chính*; *Giao thông công chính; Quy hoạch - Xây dựng và Văn hoá - Giáo dục* của Thành phố Hà Nội từ 1873 đến 1954), trong đó *Địa giới - Tổ chức bộ máy hành chính* là phần được biên soạn lại, có bổ sung từ cuốn *"Địa giới hành chính Hà Nội 1873-1954"* do Trung tâm biên soạn, được xuất bản năm 2000. Cả hai cuốn này đều được biên soạn dưới dạng sách tra cứu có tóm tắt nội dung tài liệu và tư liệu lưu trữ, cung cấp các nguồn tư liệu tra cứu cho các nhà nghiên cứu về Hà Nội thời Pháp thuộc.

4. Với kinh nghiệm của một người làm công tác tư liệu kết hợp với công tác nghiên cứu lịch sử Việt Nam thời Cận đại trong nhiều năm qua, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi mạn phép đưa ra một số ý kiến bước đầu về xác định nguồn tư liệu (5) - phương pháp tiếp cận và những vấn đề cần nghiên cứu đối với *địa giới và tổ chức hành chính* của Hà Nội thời Pháp thuộc như sau:

4.1. Xác định nguồn tư liệu

Đối với một đề tài nghiên cứu về bất cứ lĩnh vực nào dưới thời Pháp thuộc, ngoài các loại sách báo và tạp chí đương thời mà các nhà nghiên cứu quen gọi là "tư liệu dám đông" ra còn có một nguồn tư liệu quan trọng nữa cần xác định rõ, đó là các văn bản quy phạm pháp luật của hệ thống chính quyền các cấp bao gồm Sắc lệnh (Décrêt), Nghị định (Arrêté), Quyết định (Décision), Chỉ thị (Instruction)... trong đó quan trọng nhất là Sắc lệnh và Nghị định bởi chúng phản ánh một cách hệ thống chủ trương của chính quyền thuộc địa đối với từng lĩnh vực cụ thể.

* Tư liệu:

- Sắc lệnh: chỉ có Tổng thống Pháp mới có quyền ký Sắc lệnh quy định các vấn đề

có tầm quan trọng trong phạm vi toàn hệ thống thuộc địa, trong đó có Đông Dương. Thí dụ: Sắc lệnh ngày 12-7-1928 của Tổng thống Pháp quy định một số vấn đề cụ thể cho quy hoạch và mở rộng đô thị ở Đông Dương và Sắc lệnh ngày 12-6-1942 sửa đổi lại Sắc lệnh ngày 12-7-1928.

Một điểm cần lưu ý khi khai thác các loại Sắc lệnh do Tổng thống Pháp ký, đó là nội dung các báo cáo của Toàn quyền Đông Dương gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, được Chánh Văn phòng Bộ tổng hợp để Bộ trưởng trình Tổng thống Pháp về vấn đề có liên quan được đăng kèm Sắc lệnh bởi qua các báo cáo này, chúng ta sẽ nắm được một cách tương đối tổng quát về thực trạng của vấn đề cũng như chủ trương của chính quyền thuộc địa đối với vấn đề đó.

- Nghị định: có 3 loại, một do Toàn quyền Đông Dương ký, một do Thống sứ Bắc Kỳ ký và một do Đốc lý Thành phố Hà Nội ký.

Toàn quyền Đông Dương ký tất cả các Nghị định có tính nguyên tắc chung trong phạm vi Đông Dương, thành lập các cơ quan hành chính hoặc chuyên môn cấp Đông Dương... Thí dụ: Nghị định ngày 19-7-1888 của Toàn quyền Đông Dương về việc lập một Hội đồng Thị chính tại mỗi thành phố Hà Nội và Hải Phòng (6). Nghị định này cũng quy định thành phần và phương thức bầu các ủy viên của Hội đồng, quyền hạn của Đốc lý và của Hội đồng tại hai Thành phố nói trên. Toàn quyền Đông Dương cũng ký các quyết định về nhân sự trong bộ máy chính quyền thuộc địa cấp thành phố hay tỉnh, theo đề nghị của Thống sứ Bắc Kỳ thí dụ như các Nghị định bổ nhiệm các Đốc lý Hà Nội...

Thống sứ Bắc Kỳ thường ký các nghị định có liên quan đến các vấn đề trong phạm vi thẩm quyền đã được Toàn quyền Đông Dương quy định, thí dụ: Nghị định ngày 7-2-1906 của Thống sứ Bắc Kỳ cho phép thôn Đông thuộc xã Yên Thái được lập thành một xã riêng và trực thuộc tổng Trung Tổng, huyện Hoàn Long, khu ngoại ô Hà Nội

Đốc lý Hà Nội được ký các Nghị định về các vấn đề thuộc phạm vi Thành phố Hà Nội, trong phạm vi quyền hạn của mình đã được Toàn quyền Đông Dương hoặc Thống sứ Bắc Kỳ phê chuẩn. Thí dụ: Nghị định ngày 17-7-1914 của Đốc lý Thành phố Hà Nội chia Thành phố ra làm 8 khu và ấn định ranh giới giữa các khu; Nghị định ngày 19-10-1933 của Đốc lý Hà Nội quy định chức quyền, lương bổng, cách tuyển bổ, thăng thưởng, từ dịch, trừng phạt... của các Phố trưởng thuộc Thành phố Hà Nội và địa giới các khu của Phố trưởng...

Sắc lệnh, Nghị định, Quyết định, Chỉ thị... được công bố một cách hệ thống trên các ấn phẩm định kỳ như: Người hướng dẫn xứ Bảo hộ Trung Kỳ và Bắc Kỳ (Moniteur du Protectorat de l'Annam et du Tonkin), Niên giám Đông Dương thuộc Pháp (Annuaire de l'Indochine française), Công báo Đông Dương thuộc Pháp (Journal officiel de l'Indochine française), Công báo hành chính Bắc kỳ (Bulletin administratif du Tonkin), Công báo Thành phố Hà Nội (Bulletin municipale de Hanoï)..., trong số đó quan trọng nhất đối với người nghiên cứu là Công báo Đông Dương thuộc Pháp. Đây là loại công báo chính thức của chính quyền thuộc địa Pháp tại Đông Dương, số đầu tiên được ra mắt năm 1863 với tên gọi ban đầu là Công báo Nam Kỳ thuộc Pháp (Journal officiel de la Cochinchine française).

Năm 1889, sau khi thành lập Liên bang Đông Dương, chính quyền thuộc địa Pháp đã đổi tên Công báo Nam Kỳ thuộc Pháp

thành Công báo Đông Dương thuộc Pháp (Journal officiel de l'Indochine française). Tạp chí này được chia làm hai phần: một phần xuất bản tại Sài Gòn, dành riêng để công bố các văn bản quy phạm pháp luật của chính quốc và của chính quyền thuộc địa ở Đông Dương có liên quan đến Nam Kỳ và Cam-pu-chia; phần thứ hai xuất bản tại Hà Nội, dành để công bố các văn bản có liên quan đến Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Chính vì vậy, từ mỗi tuần ra một số, Công báo Đông Dương thuộc Pháp đã cho ra mắt người đọc mỗi tháng hai số. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp mồng 9-3-1945, Công báo Đông Dương thuộc Pháp bị đình bản. Trong thời gian Nhật chiếm đóng Đông Dương, công báo này được đổi tên thành Công báo Đông Dương (Journal officiel de l'Indochine), số đầu tiên ra ngày 2-6-1945. Sau ngày Nhật rút khỏi Đông Dương, Hà Nội trở thành Thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, công báo này tiếp tục xuất bản ở Sài Gòn do Pháp chiếm đóng, một lần nữa được đổi tên thành Công báo Liên bang Đông Dương (Journal officiel de la Fédération Indochinoise), số 1 bắt đầu ra từ ngày 15-10-1945, chuyên để công bố các văn bản quy phạm pháp luật, các bản tuyên bố của chính quốc có liên quan đến Liên bang Đông Dương và các văn bản quy phạm pháp luật, các tuyên bố của chính quyền Liên bang cùng các loại văn bản chính thức khác.

Một loại tư liệu rất quan trọng không chỉ đối với địa giới và tổ chức hành chính mà còn đối với tất cả các lĩnh vực khác về Hà Nội thời Pháp thuộc, đó là Công báo Thành phố Hà Nội (Bulletin municipale de Hanoï) bởi trên loại công báo này có đăng hầu hết các văn bản của chính quyền thành phố, từ Nghị định của Đốc lý đến biên bản các kỳ họp Hội đồng thành phố... Những văn bản này thể hiện hầu hết các vấn đề cơ bản của Thành phố Hà Nội trong thời kỳ chuyển biến sâu sắc, từ một đô thị của nhà nước phong kiến độc lập trở thành thủ phủ của chính quyền thực dân, từ quy hoạch và kết cấu của một đô thị Trung đại phương Đông đi vào quá trình Cận đại hóa dưới ảnh hưởng trực tiếp của chủ nghĩa thực dân Pháp.

Ngoài nội dung chính ra, các căn cứ để hình thành nên mỗi văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền thuộc địa cũng rất quan trọng bởi chúng là sợi dây kết nối giữa văn bản mới hình thành và các văn bản trước đó. Nhờ thế mà người nghiên cứu có thể tiếp cận, tập hợp và hệ thống các văn bản này cho mỗi đề tài.

* Tài liệu lưu trữ: Nếu các văn bản mang tính pháp quy phản ánh chủ trương của chính quyền thuộc địa thì tài liệu lưu trữ do các cơ quan hành chính và chuyên môn trong hệ thống tổ chức hành chính của chính quyền thuộc địa sản sinh ra lại phản ánh quá trình thực hiện các chủ trương đó và do vậy, tài liệu lưu trữ rất gần với thực trạng của Hà Nội qua các thời kỳ.

Đối với các nhà Việt Nam học ở khắp nơi trên thế giới, các Trung tâm Lưu trữ quốc gia của Việt Nam đã trở thành địa chỉ quen thuộc, là điểm đến không thể thiếu trong các đợt nghiên cứu. Riêng đối với các nhà Hà Nội học, các phông lưu trữ (fonds d'archives) của Trung tâm Lưu trữ quốc gia I đã trở thành một nguồn tư liệu tra cứu quan trọng, làm nền tảng cho các đề tài nghiên cứu về Hà Nội thời thuộc địa (7). Đối với lĩnh vực *địa giới và tổ chức hành chính* Hà Nội thời Pháp thuộc, tài liệu tập trung ở hai phông tài liệu Hán-Nôm (Nha huyện Thọ Xương và Nha Kinh lược Bắc Kỳ). Đây là hai phông có nhiều tài liệu phản ánh rõ nét lịch sử ra đời của tỉnh và Thành phố Hà Nội (bao gồm cả khu vực

ngoại thành) từ năm Tự Đức thứ 28 (1875) đến năm Thành Thái thứ 7 (1895).

Trong số các phông tài liệu tiếng Pháp, phông Phủ Thống sứ Bắc Kỳ (fonds de la Résidence supérieure au Tonkin) là phông có nhiều tài liệu liên quan đến Thành phố Hà Nội nhất, chính vì nguồn tài liệu phong phú và đa dạng của phông. Ngoài những tài liệu liên quan đến Hà Nội ra, người nghiên cứu còn có thể tìm được trong phông này những tài liệu phản ánh quá trình hình thành và thay đổi về nhiều mặt của xã hội Bắc Kỳ trong suốt thời kỳ từ 1873 đến 1954. Tiếp đó là các phông: Toà Đốc lý Hà Nội (fonds de la Mairie de Hanoï avant 1945), Toà Thị chính Hà Nội (fonds de la Municipalité de Hanoï après 1945), Sở Địa chính và Công thổ Hà Nội (fonds du Service du Cadastre et des Domaines de Hanoï), Toà Công sứ Hà Đông (fonds de la Résidence de Hadong), Sở Địa chính Bắc Kỳ (fonds du Service du Cadastre et de la Topographie du Tonkin) và một vài phông khác...

Những tài liệu về *địa giới và tổ chức hành chính Hà Nội* tại các phông này không chỉ cung cấp những hiểu biết về những thay đổi trên các lĩnh vực qui hoạch, hệ thống các đơn vị hành chính, tên phố, tổ chức bộ máy hành chính mà còn phản ánh những chuyển biến sâu sắc của Hà Nội về nhiều phương diện.

Về *địa giới hành chính*, tài liệu của các phông này dựng lại trước chúng ta quá trình biến đổi của Hà Nội từ tỉnh thành trở thành "Thủ phủ của Bắc Kỳ", "thủ đô của Liên bang Đông Dương thuộc Pháp" cũng như quá trình mở rộng Thành phố, bao gồm cả nội thành và ngoại thành.

Về *tổ chức hành chính*, những tài liệu này thể hiện rõ quá trình xây dựng bộ máy cai trị Thành phố Hà Nội như Ủy ban Thành phố và Tòa Đốc lý với những thay đổi và hoàn chỉnh về chức năng, cơ cấu cũng như việc bổ nhiệm những người đứng đầu bộ máy cai trị đó.

4.2. Phương pháp tiếp cận

Một điều may mắn đối với các nhà Việt Nam học nói chung và Hà Nội học nói riêng nghiên cứu về thời kỳ Cận đại, đó là tài liệu của các phông lưu trữ thuộc Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương (1917-1954), cho dù hiện nay đang được bảo quản tại các Trung tâm Lưu trữ quốc gia ở Việt Nam hay ở Pháp, đều được sắp xếp theo một khung phân loại thống nhất, khung phân loại mang tên Giám đốc Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương và là người khai sinh ra nó: Paul Boudet (8).

Về nguyên tắc, tài liệu được sắp xếp theo hệ thống các série (được hiểu là đề mục), mỗi série được biểu thị bằng một chữ cái, mỗi chữ cái biểu thị một vấn đề. Thí dụ série A biểu thị cho các văn bản chung (Actes officiels), trong đó sắp xếp tất cả các văn bản do các quan chức của chính quyền thuộc địa các cấp ban hành... Những văn bản này được sao làm nhiều bản, một bản để đăng trên các ấn phẩm định kỳ như đã đề cập ở phần trên, các bản sao khác được gửi cho các cơ quan có liên quan còn bản gốc có chữ ký và con dấu của tác giả sẽ lưu tại série A. Chính vì vậy, người nghiên cứu vừa có thể tiếp cận được bản gốc tại série A, vừa có thể tiếp cận các bản sao trong các phông lưu trữ và nội dung của những văn bản này trên các ấn phẩm định kỳ.

Mỗi série (từ A đến Z) đều được chia ra làm các sous-série (tiểu đề mục) theo hệ thống thập phân. Thí dụ, série D: tổ chức hành chính chung (Administration générale) được chia làm 10 vấn đề từ D.0 đến D.9, sau đó mỗi vấn đề đó lại chia làm 10 vấn đề nhỏ hơn. Thí dụ: D.3 là Tổ chức

hành chính địa phương (Organisation des Administrations locales); D.34 là Xác định giới hạn lãnh thổ các tỉnh và thành lập các tỉnh (Délimitation territoriale des provinces et création des provinces); D.341: Bắc Kỳ (Tonkin)... Chúng ta tiếp cận được tài liệu về vấn đề địa giới hành chính của Hà Nội tại D.341.

Trong quá trình tiếp cận tư liệu nói chung, đặc biệt đối với các văn bản có tính pháp quy như Lệnh, Sắc lệnh (không chỉ riêng đối với vấn đề *địa giới và tổ chức hành chính Hà Nội*), cần nắm rõ **xuất xứ và bối cảnh ra đời** của những văn bản này. Điều đó rất quan trọng bởi nó có tính chất quyết định để người nghiên cứu đưa ra một nhận định hoặc một kết luận chính xác.

Chúng ta biết rằng, mãi cho đến năm 1917, bằng Nghị định ngày 29-11-1917 của Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut, Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương mới được thành lập (9). Và một năm sau, hệ thống tổ chức cùng những nguyên tắc áp dụng cho tài liệu lưu trữ ở Đông Dương mới được xác định trong Nghị định ngày 26-12-1918 của Albert Sarraut. Theo tinh thần của 2 nghị định này, những tài liệu đầu tiên đã được đưa từ Phủ Thống đốc Nam Kỳ ra tập trung tại Kho Lưu trữ Trung ương vào ngày 13-6-1919 (10). Điều đó có nghĩa rằng, những tài liệu được sản sinh ra từ trước năm 1919 có thể được tập trung tại 1 trong 5 Kho Lưu trữ của Đông Dương theo Nghị định ngày 26-12-1918 (11) và cũng có thể bị thất lạc trước đó, do thời điểm đó trên toàn Đông Dương chưa có một cơ quan Lưu trữ thực thụ với những người làm công tác lưu trữ chuyên nghiệp và một phương pháp tổ chức tài liệu khoa học. Và ngay cả thời gian sau khi các Kho Lưu trữ ở Đông Dương được thành lập, tài liệu lưu trữ vẫn có thể bị thất lạc, bị mất mát, bị hư hỏng... do không được thu thập, chỉnh lý, bảo quản tốt. Trong khi đó, những văn bản có tính pháp quy của chính quyền thuộc địa các cấp, kể từ những ngày đầu tiên Pháp đánh chiếm Nam Kỳ lục tỉnh dưới thời của các Đô đốc và Thống đốc ở Nam Kỳ mà các nhà nghiên cứu quen gọi là "thời kỳ cai trị của các võ quan", ngay sau khi ban hành đã được đăng trên Công báo Nam Kỳ thuộc Pháp, sau này còn được đăng trên nhiều loại công báo khác mà chúng ta đã từng tiếp cận. Có thể nói rằng, hệ thống các văn bản pháp quy của chính quyền thuộc địa đương thời rất hoàn chỉnh, chỉ có tài liệu lưu trữ mới có nguy cơ bị thiếu vắng mà thôi.

Sự cần thiết của việc cần nắm rõ *xuất xứ và bối cảnh ra đời* của nguồn tư liệu tra cứu nhằm đưa ra một nhận định hoặc một kết luận chính xác trong nghiên cứu được chứng minh rõ nhất trong vấn đề xác định ngày thành lập Trường Đại học Đông Dương. Theo tài liệu của phông Phủ Toàn quyền Đông Dương (Fonds du Gouvernement général de l'Indochine 1858-1945) hiện đang được bảo quản tại hai Trung tâm Lưu trữ Quốc gia ở Hà Nội và ở Pháp, và theo những văn bản có tính pháp quy của chính quyền thuộc địa được đăng trên Công báo Đông Dương thuộc Pháp từ 1906 đến 1954, Trường Đại học Đông Dương được thành lập bởi Nghị định số 1514a ngày 16/5/1906 của Paul Beau, viên Toàn quyền thứ 13 của Pháp ở Đông Dương. Tài liệu lưu trữ chứng minh rằng, sự thành lập Đại học Đông Dương là kết quả của một quá trình vận động logic trong lịch sử, bắt đầu bằng việc thành lập Sở Học chính, một tổ chức *"chịu trách nhiệm đưa ra một sự xung động toàn thể về sự nghiệp giáo dục trong toàn xứ Đông Dương"* do Gourdon làm Tổng Giám đốc. Về mặt pháp lý, Trường được thành lập trên cơ sở của

Nghị định ngày 8-3-1906 về việc thành lập Hội đồng Hoàn thiện nền giáo dục bản xứ (Conseil de Perfectionnement de l'Enseignement indigène) với một trong những nhiệm vụ đặc biệt là *"nghiên cứu những điều kiện để thành lập và hoạt động của một trường đại học gồm các môn giảng dạy ở bậc đại học dành cho người bản xứ và người châu Á"* (12). Đại học Đông Dương, trung tâm giáo dục đại học theo mô hình hiện đại nhất lúc đó, có kết hợp giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học chính là kết quả lớn nhất của cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất ở Đông Dương do Paul Beau khởi xướng. Trường được được hồi sinh sau 10 năm ngừng hoạt động (do hoàn cảnh lịch sử và không bằng một văn bản pháp lý nào), trong chương trình cải cách giáo dục lần thứ hai của Albert Sarraut, Toàn quyền thứ 23 của Pháp ở Đông Dương với bộ "Học chính tổng quy" (Règlement général de l'Instruction publique). Quá trình ra đời và hoạt động của Trường Đại học Đông Dương cùng hệ thống các trường thành viên từ 1906 đến 1954 đều được thể hiện rõ nét trong nguồn tư liệu tra cứu với đủ độ tin cậy tại hai Trung tâm Lưu trữ Quốc gia ở Hà Nội và ở Pháp. Nếu không nghiên cứu kỹ *xuất xứ và bối cảnh ra đời* của nguồn tư liệu tra cứu nói trên, chúng ta dễ đi đến ngộ nhận đáng tiếc về sự kiện có tầm quan trọng trong lịch sử giáo dục bậc đại học ở Đông Dương nói chung và ở Việt Nam nói riêng.

4.3. Những vấn đề cần nghiên cứu

- *Về địa giới* nói chung, ngoài số ít những công trình nghiên cứu đã được liệt kê ra ở phần trên, ở nước ta hiện nay còn rất thiếu những sách tra cứu như các loại từ điển địa danh, từ điển các đơn vị hành chính, một phần do chúng ta còn thiếu những chuyên gia về địa lý học lịch sử và phần khác do tài liệu lưu trữ chưa được khai thác triệt để. Chính vì vậy, người nghiên cứu đã phải mất rất nhiều công phu tra cứu, xác minh khi gặp một địa danh hoặc một đơn vị hành chính, và không ít trường hợp đã phạm phải sai lầm. Hà Nội cũng không nằm ngoài tình trạng chung đó.

Mới đây, nhân dịp kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, trong khuôn khổ của Tủ sách *"Thăng Long ngàn năm văn hiến"*, chúng ta đã có cuốn *"Từ điển đường phố Hà Nội"* do TS. Nguyễn Việt Chức chủ biên. Đây là cuốn từ điển địa danh đầu tiên về Hà Nội trong suốt thời kỳ lịch sử, được biên soạn trên cơ sở của tài liệu lưu trữ có kết hợp điều tra, khảo sát thực địa với các trích lục bản đồ cụ thể của từng đường phố Hà Nội; có thông tin đầy đủ các thông số kỹ thuật từng đường phố cụ thể; giới thiệu một số công viên, quảng trường tiêu biểu; tiểu sử các danh nhân là tên của các đường, phố công viên, quảng trường... và vì vậy, cuốn sách đã trở thành công cụ tra cứu hữu ích cho không chỉ các nhà Hà Nội học mà còn cần thiết cho tất cả những người yêu Hà Nội. Trong tương lai, Hà Nội không chỉ cần đến rất nhiều những loại sách tra cứu như cuốn *"Từ điển đường phố Hà Nội"* mà còn cần đến những công trình nghiên cứu khác, thí dụ như về quá trình hình thành và mở rộng thành phố Hà Nội, trong đó có quá trình hình thành khu ngoại ô Hà Nội từ huyện Hoàn Long năm 1899, đến Đại lý đặc biệt của Hà Nội (Délégation spéciale de Hanoï) năm 1943...

Về tổ chức hành chính, ngoài một số bài viết và các loại sách chuyên khảo về duyên cách hành chính ra, Hà Nội còn rất cần đến các công trình nghiên cứu ở tầm vĩ mô về việc xây dựng bộ máy cai trị Thành phố Hà Nội đứng đầu là Ủy ban Thành phố và Tòa Đốc lý với những thay đổi và hoàn chỉnh về chức năng, cơ cấu qua từng thời

kỳ lịch sử cùng vai trò của nó đối với sự phát triển về mọi mặt của Thành phố; hay hệ thống chân rết của nó ở cấp dưới như khu phố với các Phố trưởng cùng chính sách dài ngộ và chế độ tuyển dụng... Tài liệu lưu trữ chỉ ra rằng, hệ thống cai trị của Thành phố chỉ thực sự tồn tại ở cấp Thành phố, tức là Ủy ban Thành phố và Tòa Đốc lý, nhưng các tổ chức này không thể "với tay" xuống tận các khu phố mà ở những nơi này, lề thói và tập tục của người Việt không hề thay đổi (phép vua thua lệ làng) song cho đến nay, chúng ta vẫn còn thiếu những công trình nghiên cứu về vấn đề này. Hay về những thay đổi của bộ máy hành chính của Pháp ở Hà Nội trong thời tạm chiếm (từ năm 1947 đến 1954) và sự xuất hiện của Hội đồng An dân rồi Thị chính ủy hội hỗn hợp Việt-Pháp và Tòa Thị chính... Đây là những vấn đề được phản ánh rất rõ trong tài liệu lưu trữ nhưng hầu như chưa được các nhà nghiên cứu về Hà Nội chú ý.

Với khối lượng tương đối lớn tài liệu lưu trữ về Hà Nội đang được bảo quản tại các Trung tâm Lưu trữ Quốc gia ở Việt Nam và ở nước ngoài, hy vọng trong một tương lai không xa, các nhà Hà Nội học sẽ cho ra đời những công trình đặc biệt về Hà Nội, góp phần làm cho Hà Nội ngày càng phát triển mạnh mẽ, xứng đáng là nơi hội tụ, kết tinh và tỏa sáng các giá trị văn hóa của các vùng miền trong cả nước.

CHÚ THÍCH

(1). Bùi Quang Tung. *"Pour une meilleure conservation des Archives vietnamiennes"*. France-Asie, n° 109-110, juin-juillet, 1955, p. 742.

(2). Tài liệu của fonds này đã được chuyển về Trung tâm Lưu trữ Hải ngoại (Centre des Archives d'Outre - Mer) ở Aix en Provence theo Thỏa ước ký kết giữa Bảo Đại và đại diện Chính phủ Pháp là Léon Pignon ngày 15-6-1950

(3). André Masson: Lưu trữ viên Cổ tự, tốt nghiệp tại Trường Cổ tự học Quốc gia (École Nationale des Chartes), thời điểm xuất bản cuốn sách (1929) đang làm việc tại Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương (Direction des Archives et de Bibliothèque de l'Indochine) với chức danh là Lưu trữ-Thư viện viên hạng nhất (Archiviste-Bibliothécaire de 1ère classe), Tổng Thanh tra về Thư viện và Giám đốc khu nhà Đông Dương của Đông Dương Học xá từ 1945 đến 1950.

(4). Tiền thân của Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I chính là Kho Lưu trữ Trung ương Hà Nội (Dépôt central de Hanoi).

(5). Trong phạm vi bài viết, khái niệm nguồn tư liệu tra cứu (source) bao gồm các nguồn tư liệu khác nhau (sách, báo, các ấn phẩm định kỳ...) và tài liệu lưu trữ.

(6). Thời điểm đó, đây là hai thành phố cấp 1 của Đông Dương.

(7). Bài viết giới hạn trong khuôn khổ tài liệu của Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I của Việt Nam, không đề cập tới các Trung tâm Lưu trữ Quốc gia của Pháp và một số nước khác.

(8). Paul Boudet: sinh ngày 18-7-1888 tại Mende (Lozère-Paris), mất ngày 10-12-1948 tại Val de Grâce-Paris; bắt đầu sự nghiệp học tập tại Trường Cổ tự học Quốc gia (École Nationale des Chartes) năm 1909, trở thành Lưu trữ viên Cổ tự (Archiviste-paléographe) năm 1914, thành viên của Trường Viễn đông Bác cổ Pháp (EFEO) năm 1917; được cử sang Đông Dương nghiên cứu và tổ chức hệ thống lưu trữ ở Đông Dương, giữ chức Giám đốc Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương từ 1918 đến 1946.

(9). Trực thuộc Phủ Toàn quyền Đông Dương. Paul Boudet được bổ nhiệm Giám đốc bằng Nghị định ngày 30-11-1917 của Toàn quyền.

(10). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, phông: Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương, hs: 330.

(11). Năm kho lưu trữ ở Đông Dương gồm: Kho Lưu trữ Trung ương tại Hà Nội, Kho Lưu trữ của Phủ Thống đốc Nam Kỳ tại Sài Gòn, Kho Lưu trữ của Tòa Khâm sứ Trung Kỳ ở Huế, Kho Lưu trữ của Phủ Thống sứ Cambogde ở Phnom- penh và Kho Lưu trữ của Phủ Thống sứ Laos ở Vientiane. Vì nhiều lý do, mãi đến 1945, Kho Lưu trữ của Phủ Thống sứ Laos ở Vientiane vẫn chưa được tổ chức.

(12). Direction de l'Instruction Publique - U. Mus, Directeur de l'École supérieure de Pédagogie de l'Université Indochinoise: *La Première Université Indochinoise*, Hanoi, Imprimerie G. Taupin & Cie, 1927, p. 2.

SUY NGHĨ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI THĂNG LONG - HÀ NỘI...

(Tiếp theo trang 16)

CHÚ THÍCH

(1). *Meme* là dạng viết tắt của *mimeme*, có ngữ căn Hy Lạp *mimema*, có nghĩa là điều được bắt chước, mô phỏng. *Meme* là "một ý tưởng, hành xử hay phong cách được phổ biến từ người này đến người khác trong một nền văn hóa qua tiến hóa văn hóa". Richard Dawkins đã đưa ra khái niệm *meme*, đối ứng với *gene*, trong cuốn sách: *The Selfish Gene* (Oxford University Press, 1989, tr. 192).

(2). Trương Quang Hải (Chủ biên), *Atlas Thăng Long-Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, 2010, tr. 87.

(3). Toàn quyền Paul Doumer từng tuyên bố rằng ông ta sẽ làm cho Hà Nội trở thành một "Paris thu nhỏ" (Xem: Chr. Pedelahore, *Hanoi, miroir de l'architecture coloniale*, trong: *L'architecture outre-mer*, Paris, Mardaga, 1992, tr. 296.

(4). Nguyễn Hiến Lê, *Lão Tử - Đạo Đức Kinh*,, Nxb. Văn Hóa, Hà Nội, 1994, tr. 174, 196.

(5). Blaise Pascal, *Pensées*, Paris, Guillaume Desfriz, 1670, tr. 358.

(6). Trương Bá Cần, *Hoạt động ngoại giao của Pháp nhằm củng cố cơ sở tại Nam Kỳ (1862-1874)*, Nxb. Thế Giới, Hà Nội, 2011, tr. 275.

(7). Vua Lê Thánh Tông ban hành "24 điều giáo huấn". Chúa Trịnh Tạc ban bố "47 điều giáo hóa". Vua Minh Mạng ban dụ "Thập điều" (10 huấn điều). Nội dung đều nhắc lại các giáo lý, phép tắc cơ bản của Nho giáo, được dem ra giảng giải trong dân chúng để mọi người noi theo.

(8). Phan Kế Bính, *Việt Nam Phong tục* (1911), Đồng Tháp, 1994, tr. 132.

(9). Thay vào luận điểm "Khoảng cách sở hữu" (Property distance) của Karl Marx, Ralph Darendorf (1929 - 2009) đã phát triển một khái niệm với nội hàm được mở rộng hơn là "Sự khác biệt xã hội" (Social difference) trong cuốn *Class and class conflict in industrial society*, Stanford University Press, 1959. Còn Geerts Hofstede (sinh 1928) thì đưa ra khái niệm "Khoảng cách quyền lực" (Power distance) trong cuốn *Cultures Consequences* (1980).

(10). Phong trào quần chúng phản đối sự bất bình đẳng kinh tế - xã hội "Occupy Wall Streets" (Chiếm cứ phố Wall) nổ ra ngày 17 - 9 - 2011 tại New York (Mỹ). Phát triển thành phong trào "99% chống lại 1%", với bản "Tuyên ngôn 99%", lan rộng ra nhiều nơi trên thế giới và hiện vẫn còn tiếp tục. Đó là một hình thức đấu tranh bất bạo động tự phát mang tính nhân văn, được dư luận nhiều giới ủng hộ.

(11). *The selfish gene*, thuật ngữ được Richard Dawkins dùng trong cuốn sách mang cùng tên. Nó có nghĩa là chất lượng được sao chép mang tính cá thể trong quá trình chọn lọc tự nhiên theo học thuyết tiến hóa của Darwin.